

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2022/DS-PT

Ngày 18/5/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khuru Đẻ Dành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thám

Ông Lâm Thuận Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2021/TLPT-DS ngày 26 tháng 02 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 243/2020/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 54/2021/QĐXXPT-DS ngày 15 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 68/2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2021, Thông báo mở lại phiên tòa phúc thẩm số 24/2022/TB-TA ngày 21 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 112/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ Văn T, sinh năm 1949; địa chỉ: Tổ 08, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Văn T: Ông Trần Văn N, sinh năm 1953; địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang theo Hợp đồng ủy quyền ngày 07/5/2020 (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1951; địa chỉ: ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị X: Ông Phạm Minh Tlà Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước (có mặt).

3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

Ông Huỳnh Văn C, sinh 1974; địa chỉ: Ấp Long Thiện, xã Ô Long Vĩ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị X là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 7 năm 2020, nguyên đơn ông Hồ Văn T trình bày:

Ông có cho bà Nguyễn Thị Xuân vay tổng số tiền là 216.000.000 đồng, không tính lãi. Bà Xuân vay 80 lần bắt đầu từ ngày 27/02/2019 (al) đến ngày 19/10/2019 (al). Mỗi lần ông đưa tiền cho bà Xuân thì bà Xuân có ghi số tiền nợ vào giấy nợ cho ông. Số tiền này bà Xuân nói với ông vay giùm cho con bà là Huỳnh Văn C, lúc vay bà Xuân hứa sẽ trả liền nhưng từ khi vay đến nay bà Xuân không trả. Ngày 14/01/2020 ông có làm đơn nhờ Ban ấp Long Thiện mời bà Xuân đến để giải quyết và bà Xuân cũng thừa nhận có thiếu nợ ông số tiền 216.000.000 đồng. Ông yêu cầu bà Xuân trả cho ông tổng số tiền 216.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 27/02/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại biên bản hòa giải ngày 15/10/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông Tiểu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà không vay tiền ông T 216.000.000 đồng, số tiền này ông T đưa trực tiếp cho con bà là Huỳnh Văn C vay. Bà có vay ông Tiểu 03 lần tổng số tiền vay là 6.000.000 đồng (lần 1 vay 1.200.000 đồng, lần 2 vay 800.000 đồng, lần 3 vay 4.000.000 đồng). Lúc vay không có làm biên nhận, các Tờ giấy (tờ lịch) ông Tiểu cung cấp cho Tòa án là do ông Tiểu yêu cầu bà ghi lại để đối chiếu với sổ mà ông Tiểu ghi theo dõi tiền con bà vay của ông Tiểu, bà có ghi vào một số Tờ giấy (tờ lịch) theo yêu cầu của ông Tiểu còn lại các tờ giấy khác bà không có ghi; bà có ký tên vào Biên bản hòa giải ngày 14/01/2020 do Ban ấp Long Thiện hòa giải nhưng bà không được nghe đọc lại biên bản và bà cũng không có thừa nhận thiếu ông T số tiền vay 216.000.000 đồng.

Nay ông T yêu cầu bà trả số tiền 216.000.000 đồng bà không đồng ý vì số tiền nợ này là con bà vay không phải bà. Bà chỉ đồng ý trả cho ông Tiểu số tiền bà vay là 6.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Huỳnh Văn C (vắng mặt).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 243/2020/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang quyết định.

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T: Buộc bà Nguyễn Thị X có trách nhiệm trả cho Hồ Văn T số tiền vốn vay 216.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi do ông T rút yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm C tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 14 tháng 12 năm 2020, bị đơn bà Nguyễn Thị X kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T và sửa bản án sơ thẩm số 243/2020/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Minh T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Xuân phát biểu tranh luận cho rằng: Biên bản hòa giải giữa ông Tiểu với bà Xuân mà ông Tiểu làm căn cứ khởi kiện bà Xuân không được thực hiện đúng theo khoản 1 Điều 12 Luật Hòa giải cơ sở ngày 27/02/2014; có nhiều thiếu sót như sửa chữa, thành viên Tổ hòa giải không có mặt tại phiên hòa giải sau đó mới ký tên (Tô Văn Thật, Nguyễn Văn Tuấn Anh), không ký biên bản (Huỳnh Thị Mỹ Tiên). Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bà Xuân, hủy bản án sơ thẩm số 243/2020/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

Bà Nguyễn Thị X giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả cho ông T số tiền 216.000.000 đồng, bà có vay ông Tiểu số tiền 6.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này.

Ông Trần Văn N là người đại diện theo ủy quyền của ông Tiểu phát biểu tranh luận đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Xuân.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bà Xuân. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 243/2020/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, cụ thể:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T, buộc bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả cho Hồ Văn T số tiền vay là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T, yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vay 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà Nguyễn Thị X là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nộp đơn kháng cáo trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được chấp nhận xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 04/5/2021, bà Xuân không thừa nhận vay của ông Hồ Văn Tiểu số tiền 216.000.000 đồng, bà chỉ thừa nhận có vay của ông Tiểu số tiền 6.000.000 đồng, số còn lại do ông Tiểu cho con bà là Huỳnh Văn Còn vay bà không biết. Bà Xuân cho rằng lúc vay không có làm biên nhận, các Tờ giấy (tờ lịch) ông Tiểu cung cấp cho Tòa án là do ông Tiểu yêu cầu bà ghi lại để đối chiếu với sổ mà ông Tiểu ghi theo dõi tiền con bà vay của ông Tiểu, bà có ghi vào một sổ Tờ giấy (tờ lịch) theo yêu cầu của ông Tiểu còn lại các tờ giấy khác bà không có ghi; bà có ký tên vào Biên bản hòa giải ngày 14/01/2020 do Ban ấp Long Thiện hòa giải nhưng bà không được nghe đọc lại biên bản và bà cũng không có thừa nhận thiếu ông T số tiền vay 216.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ, do đó quyết định tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ và làm rõ những tình tiết khách quan của vụ án.

[4] Sau khi tạm ngừng phiên tòa, Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành thu thập thêm các tài liệu, chứng cứ sau:

- Biên bản đối chất ngày 28/5/2021;
- Biên bản xác minh ông Lê Văn Quý, trưởng ấp Long Thiện, xã Ô long ngày 28/5/2021;
- Biên bản lấy lời khai ông Hồ Văn Tiểu ngày 28/5/2021;
- Biên bản giao nhận các tài liệu, chứng cứ do ông Hồ Văn Tiểu cung cấp ngày 4/6/2021: Sổ theo dõi của cá nhân do ông Tiểu ghi về số nợ của bà Xuân (bản phô tô được đối chiếu bản gốc), các Tờ giấy (tờ lịch) ghi nợ (bản gốc);

Bà Xuân không thừa nhận viết một sổ Tờ giấy (tờ lịch) ghi nợ do ông Tiểu cung cấp, ông Tiểu có yêu cầu giám định. Tòa án cấp phúc thẩm lập thủ tục trưng cầu giám định các Tờ giấy (tờ lịch) ghi nợ do ông Tiểu cung cấp bản gốc (Bút lục 68 đến 73). Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh An Giang cung cấp Kết luận giám định số 92/KLGT-PC09(TL) ngày 16 tháng 7 năm 2021 (Bút lục 119).

[5] Qua xem xét, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Tòa án cấp sơ thẩm thu thập và tài liệu chứng cứ do Tòa án cấp phúc thẩm thu thập bổ sung, Hội đồng xét xử phúc thấy:

[5.1] Các Tờ giấy (tờ lịch) có chữ viết và chữ số, bản gốc do ông Hồ Văn Tiểu cung cấp (Bút lục từ 68 đến 73), không thể hiện người vay, người cho vay, số tiền vay, thời gian vay và thỏa thuận như thế nào.

[5.2] Tại Biên bản đối chất và Biên bản lấy lời khai ông Hồ Văn Tiểu ngày 28/5/2021, ông Tiểu thừa nhận các Tờ giấy (tờ lịch) có chữ viết và chữ số là do ông yêu cầu bà Xuân ghi lại để đối chiếu với sổ theo dõi của cá nhân do ông Tiểu ghi về số nợ. Tuy nhiên, nội dung Sổ theo dõi của cá nhân ông Tiểu ghi về số nợ do ông Tiểu cung cấp (Bản phô tô được đối chiếu bản gốc) (Bút lục 106 đến 108) không thể hiện bà Xuân có vay của ông Tiểu số tiền 216.000.000 đồng.

[5.3] Tại biên bản xác minh ngày 28/5/2021 (Bút lục 95 đến 96), ông Lê Văn Quý là Trưởng Ban ấp Long Thiện, xã Ô Long Vĩ, huyện Châu Phú thừa nhận: Biên bản hòa giải giữa ông Tiểu với bà Xuân (Bút lục 04, 05) mà ông Tiểu cung cấp cho Tòa án khởi kiện bà Xuân là có tẩy xóa, sửa chữa phần ghi ngày, tháng, năm nhưng ông không biết lý do vì sao tẩy, sửa và các thành viên Tổ hòa giải ghi trong biên bản như ông Tô Văn Thật, Nguyễn Văn Tuấn Anh không có mặt tại buổi hòa giải mà ký sau. Ngoài ra, biên bản ghi ông Tôn Phước Trung thư ký nhưng toàn bộ nội dung biên bản là do ông viết và có ghi tên thành viên Tổ hòa giải Huỳnh Thị Mỹ Tiên nhưng không có chữ ký ghi tên bà Tiên.

Điều này cho thấy, Biên bản hòa giải giữa ông Tiểu với bà Xuân không đảm bảo tính pháp lý, thiếu khách quan.

[5.4] Tại Kết luận giám định số 92/KLGT-PC09(TL) ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh An Giang, kết luận:

- Chữ viết, chữ số trên Tờ giấy có chữ viết và chữ số, được đánh bút lục số 68 so với chữ viết, chữ số mang tên Nguyễn Thị Xuân trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người viết ra.

- Chữ viết, chữ số trên Tờ giấy có chữ viết và chữ số, được đánh bút lục (từ số 69 đến số 73) so với chữ viết, chữ số mang tên Nguyễn Thị Xuân trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết ra;

Trừ dòng chữ: “19 lần” dòng thứ 14 (bút lục 69); “19 lần” dòng thứ 15,16 (bút lục 70); “38,000” dòng thứ 10, “10 lần” dòng thứ 12 (bút lục 71); “11 lần”, “42.100” dòng thứ 12 (bút lục 72); “8500” dòng thứ 7, “4200” dòng thứ 8, “35700” dòng thứ 9, “lần” dòng thứ 12 (bút lục 73) không phải do cùng một người viết ra.

Như vậy, theo kết luận giám định thì:

- Tờ giấy (tờ lịch) bản phô tô do ông Tiểu cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm (Bút lục 06) cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm bản gốc (Bút lục 68) phần đầu có viết “78 lần đưa” phần cuối ghi số “216900” không phải do bà Nguyễn Thị Xuân viết ra.

- Các Tờ giấy (tờ lịch) bản phô tô do ông Tiểu cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm (Bút lục từ 06 đến 11) cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm bản gốc (Bút lục từ 69 đến 73) do bà Nguyễn Thị Xuân viết ra nhưng không thể hiện người vay, người cho vay, số tiền vay, thời gian vay và thỏa thuận như thế nào; hơn nữa, tại các Tờ giấy (tờ lịch) này có viết thêm số và chữ: “19 làm” dòng thứ 14 (bút lục 69); “19 làm” dòng thứ 15,16 (bút lục 73); “38,000” dòng thứ 10, “10 làm” dòng thứ 12 (bút lục 71); “11 làm”, “42.100” dòng thứ 12 (bút lục 72); “8500” dòng thứ 7, “4200” dòng thứ 8, “35700” dòng thứ 9, “làm” dòng thứ 12 (bút lục 73) không phải do bà Nguyễn Thị Xuân viết ra.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị X. Căn cứ các tài liệu, chứng có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[6.1] Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các Tờ giấy (tờ lịch) có chữ viết và chữ số do nguyên đơn ông T cung cấp bản phô tô (BL 06 đến 11) bản gốc (Bút lục 68 đến 73) và Biên bản hòa giải do Ban áp Long Thiện hòa giải (Bút lục 04,05) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tiểu, buộc bị đơn bà Xuân có trách nhiệm trả cho ông T số tiền 216.000.000 đồng là không có căn cứ, như phân tích, đánh giá tại đoạn [5]. Ngoài ra, ông Tiểu không chứng minh được bà Xuân có vay ông số tiền 216.000.000 đồng.

Do đó, ông Phạm Minh Tlà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Xuân phát biểu tranh luận cho rằng Biên bản hòa giải giữa ông Tiểu với bà Xuân mà ông Tiểu làm căn cứ khởi kiện bà Xuân (Bút lục 04,05) không được thực hiện đúng theo khoản 1 Điều 12 Luật Hòa giải cơ sở có hiệu lực ngày 01/01/2014, có nhiều thiếu sót như sửa chữa, thành viên Tổ hòa giải không có mặt tại phiên hòa giải sau đó mới ký tên (Tô Văn Thật, Nguyễn Văn Tuấn Anh), không ký biên bản (Huỳnh Thị Mỹ Tiên) và đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà Xuân là có căn cứ nên được chấp nhận.

Tuy nhiên, ông Tâm đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tuyên hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6.2] Bà Xuân thừa nhận có vay ông Tiểu 3 lần, tổng số tiền 6.000.000 đồng (lần thứ nhất 1.200.000 đồng, lần thứ hai 800.000 đồng, lần thứ ba 4.000.000 đồng) và đồng ý trả cho ông Tiểu 6.000.000 đồng.

Do đó, căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bà Nguyễn Thị X trả cho ông Hồ Văn T số tiền 6.000.000 đồng như đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[7] Ông Hồ Văn Tiểu yêu cầu giám định, kết luận giám định không làm căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông nên phải chịu chi phí giám định.

[8] Ông Tiểu, bà Xuân là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận miễn án phí của ông Tiểu, bà Xuân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị X, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 243/2020/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T, buộc bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả cho Hồ Văn T số tiền vay 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T, yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng).

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T, yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả tiền lãi cho ông.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án C phải chịu khoản lãi của số tiền C phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Hồ Văn Tiểu chịu chi phí giám định 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm ngàn đồng), đã nộp.

2. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho ông Hồ Văn Tiểu và bà Nguyễn Thị X.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- TAND huyện Châu Phú;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Phòng KTNV và THAHS;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Khuu Để Dành